

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /3/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12.
- Nguồn số 02: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ tủ sấy số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12.
- Nguồn số 03: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ dây chuyền in lụa số 01, 02, 03, 04.
- Nguồn số 04: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ dây chuyền in hoa lụa số 01, 02, 03, 04.
- Nguồn số 05: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực vệ sinh, rửa khuôn đúc.
- Nguồn số 06: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực thổi túi.
- Nguồn số 07: Bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực tái chế nhựa.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải

Gồm 10 dòng khí thải với lưu lượng thải của từng dòng khí thải như sau:

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Dòng khí thải	Lưu lượng (m ³ /h)
1	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 01, 02 và tủ sấy số 01, 02	KT1	45.000
2	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 03, 04 và tủ sấy số 03, 04	KT2	45.000
3	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 05, 06 và tủ sấy số 05, 06	KT3	45.000
4	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 07, 08 và tủ sấy số 07, 08	KT4	45.000
5	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 09, 10 và tủ sấy số 09, 10	KT5	45.000
6	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 11, 12 và tủ sấy số 11, 12	KT6	45.000

7	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ dây chuyền in lụa số 01, 02	KT7	42.000
8	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ dây chuyền in lụa số 03, 04	KT8	42.000
9	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ dây chuyền in lụa số 01, 02, 03, 04	KT9	42.000
10	Hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực vệ sinh, rửa khuôn đúc, khu vực thổi túi, khu vực tái chế nhựa	KT10	7.200

2.2. Phương thức xả khí thải

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí $C_{max} = C$ (Áp dụng hệ số $K = 1$ đối với KT10) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ, cụ thể như sau:

a) Đối với hơi mùi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn, tủ sấy và hơi mùi khí thải phát sinh từ dây chuyền in lụa, in lụa (KT1, KT2, KT3, KT4, KT5, KT6, KT7, KT8, KT9)

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo QCVN 20:2009/BTNMT (cột B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Benzen	mg/Nm ³	05
3	Toluen	mg/Nm ³	750

b) Đối với bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực vệ sinh, rửa khuôn đúc, khu vực thổi túi, khu vực tái chế nhựa (KT10)

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm	
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-
3	Benzen	mg/Nm ³	-	05
4	Toluen	mg/Nm ³	-	750
5	Xylen	mg/Nm ³	-	870

2.4. Vị trí xả khí thải

TT	Dòng khí thải	Tọa độ	
		X (m)	Y(m)
1	KT1	226270.1553	560684.557
2	KT2	2262263.8108	560681.7672
3	KT3	2262260.6826	560680.3917
4	KT4	2262242.6752	560672.4737
5	KT5	2262236.3191	560669.6739
6	KT6	2262233.1911	560668.3034
7	KT7	226207.2784	560709.6451
8	KT8	2262204.258	560716.5141
9	KT9	2262231.082	560750.9005
10	KT10	2262200.063	560761.9479

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01 và 02: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ 12 buồng phun sơn và 12 tủ sấy được thu gom bằng đường ống, quạt hút về 06 hệ thống để xử lý.

- Nguồn số 03 và 04: Hơi mùi khí thải phát sinh từ 04 dây chuyền in lụa và 04 dây chuyền in hoa lụa được thu gom bằng đường ống, quạt hút về 03 hệ thống để xử lý.

- Nguồn số 05, 06, 07: Bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực vệ sinh, rửa khuôn đúc, khu vực thổi túi, khu vực tái chế nhựa được thu gom bằng đường ống, quạt hút về 01 hệ thống để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hơi mùi, khí thải phát sinh từ 12 buồng phun sơn và 12 tủ sấy

- Chủ dự án đầu tư 06 hệ thống xử lý khí thải riêng biệt có quy trình giống nhau với quy trình, công nghệ xử lý: Hơi mùi sơn → Chụp hút → Đường ống → Ống Venturi → Tháp hấp phụ bằng nước → Thiết bị chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống phóng không cao 2,5 m tính từ mái nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 25,8 tấn/năm.

1.2.2. Đối với hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải từ 04 dây chuyền in lụa và 04 dây chuyền in hoa lụa

- Chủ dự án đầu tư 03 hệ thống xử lý khí thải riêng biệt có quy trình giống nhau với quy trình, công nghệ xử lý: Hơi mùi mực in → Chụp hút → Đường ống → Bộ lọc sơ cấp → Thiết bị chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống phóng không cao 03 m tính từ mái nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 09 tấn/năm.

1.2.3. Đối với bụi, hơi mùi, khí thải từ khu vực vệ sinh, rửa khuôn đúc, khu vực thổi túi, khu vực tái chế nhựa

- Chủ dự án đầu tư 01 hệ thống xử lý khí thải với quy trình, công nghệ xử lý: Hơi mùi khí thải → Chụp hút → Đường ống → Ống Veturi → Tháp hấp phụ bằng nước → Thiết bị chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống phóng không cao 2,5 m tính từ mái nhà xưởng (Khí thải QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 03 tấn/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí bộ phận môi trường trong đó có 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa, sau khi sửa xong mới tiếp tục sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ ngày 02/01/2026 đến ngày 02/6/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 06 hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ 12 buồng phun sơn và 12 tủ sấy.

- 02 hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải từ dây chuyền in lụa.

- 01 hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải từ dây chuyền in hoa lụa.

- 01 hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải từ khu vực vệ sinh, rửa khuôn đúc, từ khu vực thổi túi, khu vực tái chế nhựa.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như nêu tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại 10 lỗ kỹ thuật trên thân 10 ống phóng không của 10 hệ thống xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

+ Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

+ Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

+ Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

+ Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3 phần A Phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả bụi, hơi mùi, khí thải và thực hiện các biện pháp khắc phục; kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp để xử lý./.